

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026

Trường Đại học Y khoa Vinh thông báo tuyển sinh Sau đại học năm 2026 như sau:

1. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH, CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

TT	Trình độ đào tạo	Ngành/ chuyên ngành	Chỉ tiêu	Hình thức và thời gian đào tạo
1	Thạc sĩ	Y tế công cộng	15	Tập trung 02 năm
2	Chuyên khoa cấp I	Nội khoa	30	Tập trung 02 năm
		Nhi khoa	30	Tập trung 02 năm
		Sản phụ khoa	20	Tập trung 02 năm
		Tai mũi họng	15	Tập trung 02 năm

2. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

2.1. Điều kiện chung

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian bị truy tố hoặc thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương (đối với thí sinh tự do) xác nhận;

- Được cơ quan quản lý nhân sự đồng ý cho phép tham gia dự tuyển bằng văn bản; Nếu thí sinh không thuộc quản lý của cơ quan nào tại thời điểm đăng ký dự thi (thí sinh tự do), phải có bản cam kết về việc cá nhân không thuộc sự quản lý, không ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan/tổ chức nào trong thời điểm đăng ký dự thi.

2.2. Điều kiện về văn bằng, chứng chỉ và kinh nghiệm/thâm niên công tác chuyên môn

2.2.1. Dự tuyển trình độ thạc sĩ

a) Về văn bằng

Người dự tuyển phải có một trong các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp (hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp) đại học ngành đúng/tương ứng với ngành đăng ký dự thi (Cử nhân Y tế công cộng, Bác sĩ Y học dự phòng, Quản lý bệnh viện, Tổ chức & Quản lý Y tế, Y khoa);

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi (**Phụ lục 1**) và có chứng chỉ bổ sung kiến thức chuyên ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.



b) Về thâm niên công tác (tính đến ngày nộp hồ sơ)

- Những người đã tốt nghiệp (hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp) đại học ngành đúng/ tương ứng và các ngành phù hợp trong lĩnh vực khối ngành sức khỏe được dự thi ngay.

- Những người tốt nghiệp đại học ngành phù hợp khác với lĩnh vực sức khỏe phải có ≥ 12 tháng công tác trong ngành y tế hoặc quản lý sức khỏe.

c) Về năng lực ngoại ngữ

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) (**Phụ lục 2**). Ứng viên đáp ứng yêu cầu này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên có chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ tối thiểu Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong tuyển sinh trình độ sau đại học và còn hiệu lực 02 năm tính đến ngày thi tuyển.

2.2.2. Dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I

- Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ y khoa (Bác sĩ đa khoa).

- Thí sinh chỉ được dự thi sau khi có giấy phép/ chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

3. HÌNH THỨC VÀ MÔN THI TUYỂN

TT	Ngành/chuyên ngành theo trình độ đào tạo	Hình thức	Môn thi	
			Cơ bản	Chuyên ngành
1	Thạc sĩ Y tế công cộng	Thi tuyển	Dịch tễ	Sức khỏe môi trường - Tổ chức và Quản lý y tế - Sức khỏe nghề nghiệp - Dinh dưỡng & An toàn thực phẩm
2	CKI Nội khoa	Thi tuyển	Sinh lý	Nội
	CKI Nhi khoa	Thi tuyển	Sinh lý	Nội nhi
	CKI Sản phụ khoa	Thi tuyển	Giải phẫu	Sản phụ khoa
	CKI Tai mũi họng	Thi tuyển	Giải phẫu	Tai mũi họng

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng

a) Người có thời gian công tác 2 năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo;

b) Thương binh, bệnh binh người có giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng;
- e) Người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn;
- f) Con nạn nhân chất độc màu da cam.

Lưu ý: Các đối tượng được ưu tiên theo quy định tại điểm a khoản này phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc biệt phái công tác của cấp có thẩm quyền.

4.2. Chính sách ưu tiên

Người dự tuyển chỉ được xét ưu tiên khi nộp đầy đủ giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên. Không giải quyết các trường hợp nộp bổ sung sau khi nhà trường xét duyệt hồ sơ.

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (01 điểm) vào kết quả thi (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

5. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Đơn đăng ký dự thi có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;
2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh, đóng dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (cơ quan, đơn vị quản lý nhân sự hoặc UBND xã/phường đối với thí sinh tự do);
3. Công văn hoặc quyết định cử đi thi tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự hoặc cam kết không làm việc, ký hợp đồng với bất kỳ cơ quan nào trong thời điểm đăng ký dự tuyển đối với thí sinh tự do;
4. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm. Trường hợp tốt nghiệp đại học ở nước ngoài phải nộp giấy xác nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Bản sao công chứng:
 - a. *Đối với thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng:*
 - Bằng và bằng điểm hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trong tuyển sinh trình độ sau đại học còn hiệu lực tính đến ngày thi tuyển;
 - Chứng chỉ bổ sung kiến thức đối với người dự tuyển trình độ thạc sĩ y tế công cộng có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp.
 - b. *Đối với thí sinh dự tuyển trình độ chuyên khoa cấp I:* Chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, tuyển dụng viên chức, quyết định phân công công tác để chứng minh thâm niên công tác;
7. Giấy tờ pháp lý minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có);
8. Giấy chứng nhận sức khỏe (theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
9. Ảnh 3x4 (trong vòng 6 tháng tính đến ngày dự thi; ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh sau ảnh): 04 chiếc

10. Hai phong bì thư có dán tem ($\geq 4.000đ$) và ghi rõ địa chỉ người nhận, số điện thoại liên lạc.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký dự thi do Trường Đại học Y khoa Vinh phát hành.

- Tất cả giấy tờ được xếp theo thứ tự nêu trên. Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đã có đủ giấy tờ theo quy định.

- Thí sinh giả mạo giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận hồ sơ sẽ không được dự thi, nếu dự thi mà bị phát hiện sẽ bị hủy kết quả thi.

6. KINH PHÍ TUYỂN SINH

- Kinh phí đăng ký dự thi : 100.000 đồng/hồ sơ

- Kinh phí dự thi : 200.000 đồng/môn thi

Kinh phí tuyển sinh phải được nộp đủ một lần cùng với hồ sơ đăng ký dự thi; Hồ sơ và lệ phí thi tuyển không được hoàn lại nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoặc người dự tuyển bỏ thi.

7. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển: Từ ngày 20/04/2026 đến 16h30' ngày 20/05/2026 tại phòng Quản lý Đào tạo - Trường ĐHYK Vinh. (sáng từ 8h00' đến 11h00'; chiều từ 14h00' đến 16h30' trừ thứ 7 và chủ nhật)

- Công bố kết quả xét duyệt hồ sơ: Dự kiến ngày 22/05/2026 trên website của Trường ĐHYK Vinh (<http://vnu.edu.vn>).

8. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

8.1. Điều kiện xét tuyển: Các môn thi phải đạt 50% của thang điểm mỗi môn thi (chưa cộng điểm ưu tiên, nếu có). Không làm tròn điểm từng môn thi.

8.2. Xét trúng tuyển

Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau, xét trúng tuyển đối với người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

9. THỜI GIAN THI TUYỂN

- Tập trung thí sinh dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 23/05/2026

- Hướng dẫn ôn tập: Dự kiến từ ngày 23/05/2026 đến 19/06/2026

- Công bố danh sách phòng thi, phổ biến quy chế thi, phát thẻ dự thi: Dự kiến 08h30' ngày 20/06/2026

- Thời gian thi dự kiến:

+ 14h00' ngày 20/06/2026: Thi môn cơ sở

+ 07h00' ngày 21/06/2026: Thi môn chuyên ngành

10. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ NHẬP HỌC

- Công bố kết quả thi: Dự kiến ngày 25/06/2026

- Nhận đơn phúc khảo: Dự kiến từ ngày 25/06/2026 đến 27/06/2026

- Công bố kết quả phúc khảo: Dự kiến ngày 29/06/2026

- Công bố kết quả trúng tuyển: Dự kiến ngày 29/06/2026

- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 19/09/2026

11. HỌC PHÍ

Học phí được thu theo năm học, mỗi năm tính 10 tháng. Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-ĐHYKV ngày 16/1/2026 của Trường Đại học Y khoa Vinh, mức thu học phí năm học 2026 - 2027 đối với từng ngành đào tạo như sau:

Đơn vị: đồng/tháng/học viên

Thạc sỹ	Bác sỹ chuyên khoa I
4.350.000	5.850.000

Khi cần, xin liên hệ Phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Y khoa Vinh (số 161, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An), số điện thoại 0383524062 - 0988929429. Thông tin về đào tạo được đăng tải trên Website <http://vnu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở y tế;
- Lưu VT, QLĐT. *dlc*

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Tuấn



**PHỤ LỤC 1: DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/NGÀNH PHÙ HỢP TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH**

(Ban hành cùng thông báo số: /TB-ĐHYKV ngày tháng năm 2026) M4

1. Ngành đúng/ ngành tương ứng

- Quản lý bệnh viện
- Tổ chức và quản lý y tế
- Y học dự phòng
- Y tế công cộng
- Y khoa

2. Ngành phù hợp

a) Các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe ngoại trừ các ngành thuộc mục 1

b) Các ngành ngoài lĩnh vực sức khỏe

- Xã hội học
- Nhân học
- Báo chí và truyền thông
- Kinh tế học
- Thống kê kinh tế
- Quản trị- Quản lý
- Tâm lý học
- Sinh học
- Sinh học ứng dụng
- Khoa học môi trường
- Công tác xã hội
- Quản lý tài nguyên và môi trường
- Luật
- Tài chính- kế toán
- Nông nghiệp
- Thú y
- Máy tính và Công nghệ thông tin

PHỤ LỤC 2

1. Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Các chứng chỉ	Cơ sở cấp chứng chỉ (*)	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Educational Testing Service (EST)	30 - 45
		IELTS	British Council (BC) International Development Program (IDP) Cambridge ESOL	Từ 4.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	Cambridge ESOL	B1 Preliminary: 140 B1 Business Preliminary: 140 Linguaskill: 140
		Aptis ESOL	British Council (BC)	B1 (General)
		Pearson English International Certificate (PEIC)	Tập đoàn giáo dục Pearson Vương quốc Anh	Level 2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	EMG Education Pearson Vương quốc Anh	43-58
		Vietnamese Standardized Test of English Proficiency (VSTEP)	Các cơ sở được Cục quản lý chất lượng - BGD&ĐT công nhận cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ	VSTEP.3-5 (4.0)
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	Bộ Giáo dục Pháp	TCF: 300 – 399 Văn bằng DELF B1 Diplome de Langue (**)
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut The German TestDaF language certificate	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD	Goethe - Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD - Zertifikat B1, TestDaF - TDN3, ECL B1
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	CÔNG ty TNHH công nghệ Giáo dục Quốc tế khảo thí Hán ngữ, Bắc Kinh, Trung Quốc	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo KenTei Kyokai (J-Test)	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	ТРКИ - 1

(*) Ứng viên cần đăng ký thi tại các cơ sở được Bộ GD&ĐT công nhận và cấp phép tổ chức thi theo Thông tư 11/2022/TT-BGD&T.

(**) Bằng tiếng Pháp DELF và DALF được sử dụng trong tuyển sinh đào tạo sau đại học không giới hạn thời hạn sử dụng.

2. Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ VSTEP theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

1	Trường Đại học Sư phạm TP HCM
2	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương TP HCM (HUIT)
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM
28	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế TP HCM

30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường Đại học Tài chính - Marketing
36	Trường Đại học Thành Đông
37	Trường Đại học Mở TP HCM
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

MM